

*Chuyên đề khảo cổ học*

## MỘ CỤ THẠCH HÀNG GÒN

**LTS:** Ngày 27/12/2007 Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Đồng Nai và Viện Khoa học Xã hội vùng Nam bộ đã tổ chức Hội thảo *Báo cáo kết quả thăm dò, khai quật khảo cổ học di tích mộ cụ thạch Hàng Gòn* và xin ý kiến các nhà quản lý, các nhà khoa học về phương án bảo tồn, tôn tạo di tích lịch sử quan trọng này.

Tạp chí Khoa học Xã hội xin trân trọng giới thiệu 3 báo cáo đã trình bày trong Hội thảo.

## KHAI QUẬT DI TÍCH MỘ CỤ THẠCH HÀNG GÒN

PHẠM QUANG SƠN<sup>(\*)</sup>

### 1. QUÁ TRÌNH PHÁT HIỆN VÀ NGHIÊN CỨU

Mộ cụ thạch Hàng Gòn - hay di tích Hàng Gòn 7 theo cách gọi của Ed. Saurin - là một di tích khảo cổ học quan trọng của tỉnh Đồng Nai, thường được dân địa phương gọi là "Mả Ông Đá". Mộ có hình khối hộp chữ nhật, ghép bằng 6 tấm đá hoa cương lớn, được gọi là tấm đan. Một tấm là nắp đậy trên có hai đầu thu nhỏ, một tấm đáy và 4 tấm dựng đứng bốn bên, trên tấm đáy và nâng chịu tấm nắp. Xung quanh mộ còn có

nhiều cột đá lớn.

Mộ được một kỹ sư người Pháp là J. Bouchot phát hiện vào năm 1927, khi làm đường liên tỉnh số 2 từ Tân Phong đi Xuyên Mộc, nằm trong khu vực Hội đồn điền Cao su Xuân Lộc (*Société de Plantation d'Hévéas de Xuân lộc*), thuộc xã Xuân Lộc, tổng Bình Lâm Thượng, tỉnh Biên Hòa. J. Bouchot đã tiến hành khai quật di tích này vào tháng 4 và tháng 5 năm 1927 (Bouchot J. 1927, 1929).

Phát hiện của J. Bouchot đã thu hút sự chú ý của nhiều học giả Pháp như H. Parmentier, E. Gaspardone, L. Malleret, Ed. Saurin, H. Fontaine... Đặc biệt, H.

(\*) Tiến sĩ. Trung tâm Nghiên cứu Khảo cổ, Viện Khoa học Xã hội vùng Nam bộ.

Parmentier đã công bố các bản vẽ hiện trường khai quật và phác đồ tái dựng mộ trên cơ sở nghiên cứu tại hiện trường. Theo mô tả của ông, mộ có kích thước dài 4,50m, rộng 2m, cao 1,50m, nằm dài theo hướng đông tây, được chôn trong một hố sâu, tấm đan nắp thấp dưới mặt đất 1,50m. Vách hố ở hai phía bắc-nam được tạo thành 3 nấc thang giạt cấp. Trên mỗi bậc lại có một hàng gồm 3 trụ làm bằng đá hoa cương (granite), trừ bậc trên cùng chỉ có 1 trụ. Có thể nói, mộ nằm giữa 4 hàng trụ, mỗi hàng có 3 trụ theo hướng đông-tây và 2 trụ ở hai rìa bắc và nam, đối xứng nhau qua tâm mộ. Trên đầu các trụ đều có khoét lõm hình yên ngựa. H. Parmentier đặt ký hiệu cho các trụ theo từng cặp đối xứng nhau qua trục đông-tây, lần lượt có B-B', C-C', D-D', E-E', F-F', G-G'. (Parmentier H., 1929, pp. 479-485).

Di tích mộ cụ thạch Hàng Gòn đã được xếp hạng với số thứ tự 38 trong danh mục các di tích ở Nam kỳ vào năm 1930 (Saurin Ed., 1968, p. 8).

Sau năm 1975, Bảo tàng tỉnh Đồng Nai và các nhà khảo cổ học đã nhiều lần trở lại di tích Hàng Gòn. Một hồ sơ di tích đã được Lưu Ánh Tuyết (Bảo tàng Đồng Nai) thực hiện vào năm 1982. Tác giả cho biết, so với khảo tả của Parmentier H., thì phần lớn các bộ phận của công trình kiến trúc còn giữ nguyên ở hiện trường, tuy nhiều trụ đá đã bị thay đổi vị trí (Lưu Ánh Tuyết, 1982a,b). Trên cơ sở hồ sơ này, di tích đã được Bộ Văn hóa xếp hạng cấp Quốc gia theo Quyết định số 147/VH-QĐ ngày 24/12/1982.

Năm 1991 di tích mộ cụ thạch Hàng Gòn được chỉnh trang lại và xây hàng rào bảo vệ.

Năm 1996, Bảo tàng tỉnh Đồng Nai và Trung tâm Khảo cổ học đã tiến hành khai quật khu vực cách mộ khoảng 60m về phía đông nam và phát hiện 2 cột đá cùng một số tấm đan lớn. Địa điểm này được gọi là di tích Cụ thạch 2 (Phạm Đức Mạnh và các cộng sự, 1996; Phạm Đức Mạnh, 1996).

## 2. NHIỆM VỤ CỦA ĐỢT KHAI QUẬT

Qua 80 năm phát hiện và nghiên cứu, cho đến gần đây, mộ cụ thạch vẫn chỉ được xem là một di tích đơn độc. Các câu hỏi về niên đại, chủ nhân cũng như vị trí của di tích trong quan hệ lịch đại và đồng đại vẫn chưa có câu trả lời.

Tháng 3/2006 chúng tôi đã tiến hành một đợt điều tra, đào thám sát trên một khu vực rộng khoảng 4ha xung quanh di tích. Một bản báo cáo về đợt công tác này đã được thực hiện (Phạm Quang Sơn, 2006) và công bố trong cuộc họp báo ở tỉnh Đồng Nai. Trong báo cáo, chúng tôi đã nêu ra những yêu cầu cấp thiết về công tác bảo tồn, trùng tu, tôn tạo di tích theo đúng Luật Di sản văn hóa và sự cần thiết phải tiến hành một đợt khai quật với qui mô lớn nhằm cung cấp cơ sở khoa học cho việc lập dự án trùng tu di tích. Đợt khai quật có nhiệm vụ thăm dò, kiểm chứng khu vực kế cận mộ cụ thạch Hàng Gòn, xác định trong lòng đất còn những gì liên quan đến kiến trúc mộ. Đồng thời, dựa vào kết quả khảo sát hiện trạng kiến trúc mộ và những trụ đá, xác minh chức năng của kiến trúc, chức năng của các trụ đá và vị trí nguyên thủy khả dĩ của chúng.

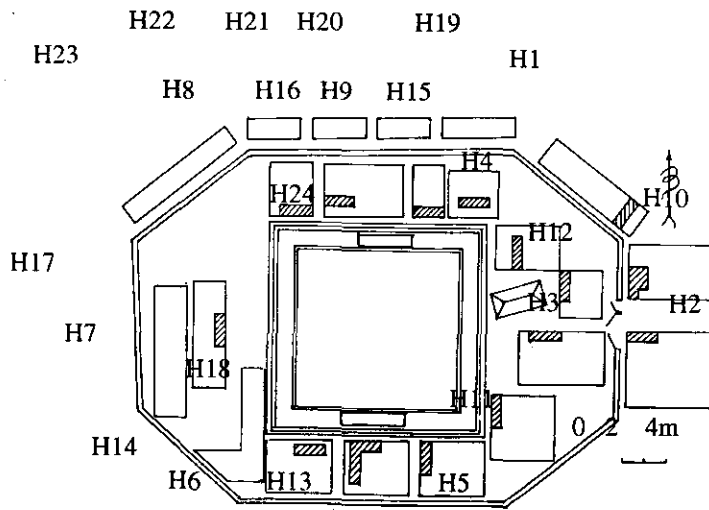
Với những nhiệm vụ trên, từ ngày 10/9/2007 đến ngày 10/11/2007 Ban Quản lý Di tích-Danh thắng tỉnh Đồng Nai đã phối hợp với Trung tâm Nghiên cứu Khảo

cổ Viện Khoa học Xã hội vùng Nam bộ tổ chức khai quật di tích mộ cụ thạch Hàng Gòn theo giấy phép số 143/QĐ-BVHTTDL ngày 27/8/2007 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

3. KẾT QUẢ KHAI QUẬT

3.1. Các hố khai quật

Đợt khai quật năm 2007 đã được tiến hành trên 3 khu vực với tổng diện tích 967m<sup>2</sup>:



Bản vẽ 1. Vị trí các hố khai quật và hố thăm dò

- Khu A. Là khu vực kề cận di tích mộ cụ thạch, nằm trong phạm vi hàng rào bảo vệ di tích hiện nay và một phần đất phía ngoài tiếp giáp hàng rào. Tại đây chúng tôi đã thực hiện 24 hố khai quật với tổng diện tích 604,75m<sup>2</sup> (bản vẽ 1).

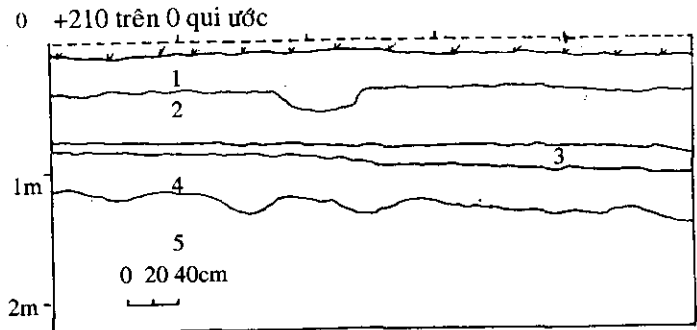
- Khu B. Gồm 5 hố khai quật với tổng diện tích 45m<sup>2</sup>. Các hố khai quật này mang tính chất thăm dò, được mở khá xa, nằm ở phía nam, cách mộ cụ thạch khoảng 170m, sát với bờ tường trường phổ thông

trung học Nguyễn Huệ. Các hố đều có kích thước 3m x 3m và nằm trên một trục thẳng theo hướng bắc-nam.

- Khu C. Cũng gồm 5 hố khai quật, chia cắt nhau bởi những bờ không chế. Khu vực này có kích thước 13,5m x 23,5m, bao quanh hố khai quật năm 1996, tổng diện tích là 317,25m<sup>2</sup>.

Tất cả các hố khai quật đã được chúng tôi thực hiện trên nguyên tắc phải đạt độ sâu tương ứng với độ sâu của nắp mộ, được xác định bằng máy trắc đạc. Vì vậy, tùy địa hình cao hay thấp, các hố khai quật thường được đào sâu khoảng từ 1,0m đến 2,2m. Ngoài ra, chúng tôi cũng đã tiến hành đào thăm dò trong hầu hết các hố khai quật ở khu A. Các hố đào này có kích thước 3m x 1m (bản vẽ 1), sâu bằng độ sâu của đáy hầm Mộ. Biết rằng chiều cao từ

đáy đến nắp Mộ là 1,70m nên các hố thăm



- 1- Đất mặt
- 2- Đất đắp, sạn laterit
- 3- Đất xám
- 4- Đất cứng
- 5- Đất mềm

Bản vẽ 2. Khu A. H7. mặt cắt vách đông

dò thường đạt độ sâu từ 2,70m đến 3,90m so với bề mặt hiện tại (*bản vẽ 4*).

### 3.2. Cấu trúc địa tầng

Địa tầng trong khu vực xung quanh mộ cụ thạch có cấu tạo không phức tạp. Bề mặt địa hình khá mấp mô, có xu hướng thấp dần từ tây và tây-bắc qua đông và đông-nam. Trong khu vực 4ha khảo sát, mức độ chênh lệch tối đa giữa các điểm cao và thấp nằm trong khoảng trên dưới 2m.

Dựa vào mặt cắt địa tầng trong các hố khai quật có thể thấy diễn biến các lớp đất cơ bản từ trên xuống dưới như sau:

- Lớp 1: Lớp mặt, đất canh tác hiện đại, dày 10cm-20cm. Đất có màu nâu xám, bờ rời.

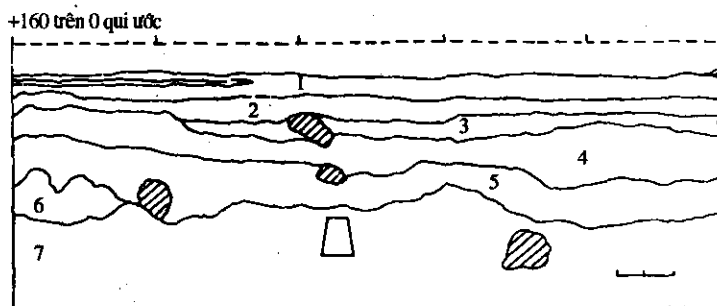
- Lớp 2: Lớp đất đỏ badan, nằm dưới lớp 1, có kết cấu chặt, cứng, dày trung bình 20cm-30cm.

- Lớp 3: Nằm dưới lớp 2, cũng là đất đỏ badan, nhưng có kết cấu bờ rời, mềm hơn lớp trên. Lớp này thường xuất hiện ở độ sâu 40cm-50cm và chưa kết thúc trong các hố đào sâu gần 4m (*bản vẽ 2*).

Sự phân chia giữa lớp 2 và lớp 3 có lẽ chỉ mang tính ước lệ. Chúng có thể đã hình thành một cách tự nhiên. Trong quá trình thấm thấu và bốc hơi nước, lớp phía trên trở nên cứng hơn. Màu sắc nâu đỏ badan của hai lớp cũng không có sự phân biệt rõ rệt.

Trên khu vực xung quanh mộ cụ thạch, sau quá trình khai quật, chỉnh trang trước đây, đã hình thành nhiều lớp đất mới đắp nằm

dưới lớp mặt hiện đại. Trong nhiều hố khai quật đã ghi nhận được các lớp đất cháy màu nâu hồng, đất xám bờ rời, đất đỏ badan lẫn đất sét cứng vón cục. Các lớp này có độ dày mỏng không đều, chỗ có chỗ không (*bản vẽ 3*). Ở khu vực phía bắc di



- |             |                     |
|-------------|---------------------|
| 1- Đất mặt  | 4- Đất cứng         |
| 2- Đất hồng | 5- Đất mềm          |
| 3- Đất xám  | 6- Đất cứng vón cục |
|             | 7- Đất mềm bờ rời   |

Bản vẽ 3. Khu A. H13. Mặt cắt vách bắc

tích các lớp đất mới đắp tạo thành những lớp chạy song song như bánh kẹp.

Tầng văn hóa và những cụm hiện vật cũng như những mảnh gốm, đá lẻ tẻ thường xuất hiện từ độ sâu 0,35-0,40m đến 0,90-0,95m, nhưng tập trung nhất ở độ sâu 0,60-0,80m, trong phần dưới của lớp đất nâu đỏ badan cứng và phần trên của lớp đất mềm.

### 3.3. Hiện vật

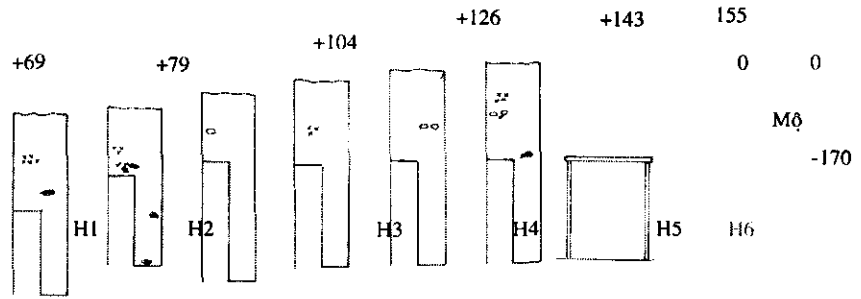
Hiện vật thu được trong đợt khai quật này không nhiều và đang trong quá trình chỉnh lý.

- Hiện vật gốm. Những mảnh đồ gốm vỡ được phát hiện tập trung trong các hố khai quật H<sub>2</sub>, H<sub>14</sub> và H<sub>16</sub>. Chúng tạo thành một lớp dày từ 20cm đến 50cm, trên một khoảng rộng từ 10m<sup>2</sup> (H<sub>16</sub>) đến 20m<sup>2</sup> (H<sub>2</sub>).

tạo thành tầng văn hóa rõ nét. Ở các hố H<sub>1</sub>, H<sub>4</sub>, H<sub>6</sub> và trong một số hố thuộc khu B và khu C gồm vờ chỉ tạo thành từng cụm riêng biệt hoặc chỉ là những mảnh rơi vãi. Hiện vật gồm đã được Nguyễn Thị Hoài Hương chỉnh lý và có báo cáo riêng.

- Hiện vật đá: Trong hầu hết các hố khai quật đều thấy có những mảnh hoặc viên đá với kích thước lớn nhỏ khác nhau, nhưng tập trung nhiều nhất ở khu C và các hố khai quật H<sub>3</sub>, H<sub>6</sub>, H<sub>12</sub> của khu A. Một số hiện vật đã được chúng tôi thu về để chỉnh lý và phân tích thạch học. Một số khác là phế liệu của công trường chế tác đá còn được chúng tôi giữ nguyên tại hiện trường, nhằm phục vụ cho việc trưng bày ngoài trời sau này.

Trong số hiện vật đá được ghi nhận, phần lớn là những mảnh vỡ không định hình, mảnh tách trong quá trình chế tác những tấm đan và cột đá. Đặc biệt, chúng tôi chú ý đến hai nhóm hiện vật xuất hiện nhiều ở các hố khai quật thuộc khu C. Nhóm 1 gồm khoảng 30 viên đá có hình dáng gần với mu rùa hay hình bán cầu, tuy bị phong hóa nhiều nhưng vẫn thấy những vết ghe đẽo chế tác tạo dáng. Những viên đá này có đường kính 10-15cm, cao 5,5-6,0cm. Nhóm 2 có 8 viên đá được ghe gần thành hình cầu, đường kính 7-10cm. Hiện nay chưa thể xác định công dụng của những hiện vật



Bản vẽ 4. Phân bố hiện vật và tầng văn hóa trong các hố khai quật (tương quan với mộ)

này, có thể chúng được sử dụng như công cụ ghe đập đá hoặc các con lăn để di dời những phiến đá nặng. Dù sao, những viên đá này đã được tạo ra một cách chủ ý.

Một loại hình hiện vật đá nữa là phế liệu hoặc mảnh vỡ trong quá trình chế tác và vận chuyển. Ở H<sub>7</sub> khu A đã tìm được một mảnh vỡ ở đầu một cột đá lớn. Mảnh này có lẽ đã bị vỡ ra trong quá trình vận chuyển. Cột đá có mảnh vỡ vẫn được người xưa dựng lên theo chức năng của nó. •

Trong đợt khai quật cũng đã thu được một bàn mài bằng đá cát, có 1 vết mài hình lòng máng và 1 vết mài rãnh tròn.

Tám mẫu đá được Liên đoàn Bản đồ địa chất miền Nam phân tích thạch học cho thấy chủ nhân mộ cụ thạch đã sử dụng các loại đá *granit granophyr*, *diorit hornblend*, *biotit*, *bazan olivin*, *tuf andesit* và thạch anh-turmalin.

- Vết đất cháy và than tro. Trong các hố khai quật H<sub>1</sub>, H<sub>10</sub> và H<sub>13</sub> đã phát hiện được những vùng đất cháy. Đặc biệt ở H<sub>10</sub> và H<sub>13</sub> đất cháy cứng, có màu hồng như gạch non, tạo thành một sàn hình gần tròn, đường kính khoảng 1,20m, dày 40cm, nằm ở độ

sâu gần với nắp mộ. Trong quá trình xử lý chỉ thấy có một ít than tro. Đất cháy có kết cấu không chặt thành một khối mà bở rời, xen kẽ với đất đỏ badan.

Ngoài ra, trong quá trình khai quật còn ghi nhận được dấu vết những cột đất cháy, thường có hình trụ tròn, đường kính 20-60cm, cao 30-50cm, nằm ở các độ sâu khác nhau. Có thể đây chỉ là vết tích của cây rừng bị cháy.

#### 4. MỘT SỐ NHẬN XÉT

##### 4.1. Nhận xét từ đợt khai quật

- Đợt khai quật lần này không thu được nhiều hiện vật. Nhưng nhiệm vụ khảo sát đặt ra đã được thực hiện. Chúng ta có quyền yên tâm rằng đã không bỏ sót trong lòng đất những gì có thể liên quan đến kiến trúc mộ cụ thạch.

- Việc phát hiện tầng văn hóa với những bãi gốm vỡ cho phép hình dung lại cảnh quan xưa kia. Bề mặt đất cổ đã nằm thấp hơn bề mặt hiện tại khoảng 60cm. Ở những khu vực kề cận hầm mộ như H<sub>6</sub>, tầng văn hóa (được xác định là *in situ*) lại nằm cao hơn nắp Mộ khoảng 1m. Do đó, nắp Mộ quả là đã nằm sâu hơn bề mặt hiện tại khoảng 1,50m như H. Parmentier đã nói trước đây. Mặt khác, phát hiện tầng văn hóa còn cho phép nhận biết mộ cụ thạch khi xây dựng đã nằm thấp hơn mặt đất trong cùng thời điểm khoảng 1m (*bản vẽ 4*).

- Những dấu vết gốm vỡ, đất cháy trong khu vực xung quanh mộ gợi cho chúng ta hình ảnh các nghi lễ, phong tục tập quán trong phương thức mai táng của người xưa.

- Trong đợt khai quật năm 1996, Phạm Đức Mạnh đã nói đến một công xưởng chế tác đá bên cạnh mộ cụ thạch. Đợt khai quật lần

này đã cung cấp thêm tư liệu củng cố cho quan điểm trên. Trong khu vực xưởng chế tác đá, ngoài những tấm đan, cột đường như chưa qua sử dụng đã được phát hiện trước đây, nay còn thấy vương vãi nhiều phế vật, mảnh tước đá cùng những công cụ lao động. Rõ ràng người xưa đã có công vận chuyển những khối đá lớn về Hàng Gòn để gia công, tạo ra những tấm đan, cột đá sử dụng cho kiến trúc mộ.

- Vấn đề niên đại và chủ nhân di tích mộ cụ thạch hầu như đã được giải quyết từ sau đợt đào thám sát năm 2006. Vào năm 1996, Phạm Đức Mạnh đã phân tích một số mẫu than và cho kết quả niên đại C<sub>14</sub> của di tích nằm trong khoảng từ 2590 đến 2220 năm cách ngày nay (Phạm Đức Mạnh và các cộng sự, 1996, tr. 66). Đợt thám sát năm 2006 tiếp tục cung cấp một số niên đại như sau.

TT	Ký hiệu mẫu	Ký hiệu mẫu gốc	Loại mẫu	Niên đại (năm BP)
1	HCMV 04/2006	06-HG-TS17	Than	1710 ± 45
2	HCMV 05/2006	06-HG-TS39	Than	2100 ± 55
3	HCMV 06/2006	06-HG-TS35	Than	1960 ± 50
4	HCMV 07/2006	06-HG-TS28	Than	1790 ± 45
5	HCMV 08/2006	06-HG-TS35	Than	1890 ± 50

Đối chiếu với một số niên đại C<sub>14</sub> của các di tích trong khu vực Hàng Gòn và lân cận đã có trước đây như Hàng Gòn 1 (Lô 72) 3950 ± 250BP; mộ chum Hàng Gòn 9 (Suối Đá) 2300 ± 150BP, 2190 ± 150BP; mộ chum Phú Hòa 2400 ± 140 và 2590 ±

240BP, chúng tôi cho rằng di tích mộ cụ thạch có niên đại ngay trước hoặc sau Công nguyên, muộn hơn giai đoạn của các di tích mộ chum thuộc thời đại sắt sớm và sớm hơn hoặc trùng với thời kỳ khởi đầu của văn hóa Óc Eo và vương quốc Phù Nam (thế kỷ II sau Công nguyên). Bốn mẫu than thu thập trong đợt khai quật năm nay đang chờ phân tích sẽ làm rõ thêm vấn đề niên đại của di tích.

Trong đợt thám sát năm 2006 cũng đã thu được hai hiện vật tù và bằng đồng. Chúng rõ ràng có quan hệ với phát hiện vũ khí qua đồng Long Giao, cách Hàng Gòn khoảng 5km (Phạm Đức Mạnh, 1985), trong ý nghĩa là một phần tổ hợp vũ khí của những chiến binh. Như vậy, chủ nhân của mộ cụ thạch là một thủ lĩnh đầy quyền uy của một cộng đồng người (bộ lạc hoặc liên minh các bộ lạc) hùng mạnh về kinh tế và rất thông thạo binh nghiệp. Điều đáng để ý là cộng đồng người này đã tồn tại trong một thời kỳ mà ảnh hưởng của các thế lực và các văn hóa bên ngoài ngày càng tăng cao. Các cuộc xung đột, kể cả xung đột vũ trang, giữa cư dân bản địa và các thế lực bên ngoài, nếu có xảy ra, cũng là điều có thể hiểu được.

#### 4.2. Nhận xét về kiến trúc mộ cụ thạch

Trong quá trình 2 tháng làm việc tại hiện trường, đoàn công tác cũng đã cố gắng nghiên cứu và tìm tòi cơ sở tái dựng dáng vẻ nguyên thủy của mộ cụ thạch.

Trước đây H. Parmentier có cho rằng mộ cụ thạch là một ngôi mộ tập thể. Nắp mộ có thể được mở ra để tiếp nhận thêm người quá cố hoặc than tro hỏa táng. Các cột đá xung quanh mộ (gồm 14 cột) được sử dụng

làm trụ đỡ cho một hệ thống ròng rọc hay những dây kéo để nâng nắp mộ.

Trên hiện trường, chúng tôi thấy có tất cả 40 cột đá, mảnh cột và mảnh đan, không kể 5 tấm đan dựng thành mộ. Trong số đó hiện còn 14 đầu cột có vết lõm hình yên ngựa. Điều đó có nghĩa trong cấu trúc mộ đã có 14 cột, đúng như H. Parmentier đã nói. Tuy nhiên, khi thử sắp xếp lại các cột đá theo nguyên tắc song song và đối xứng từng cặp thì dường như đã dư 1 cột dài (khoảng 3m) và thiếu 1 cột ngắn (khoảng 70cm). Cột này có lẽ đã bị lấy đi mất như đã có người cho chúng tôi biết trước đây. Nếu đúng vậy thì trong kiến trúc Mộ đã có ít nhất 15 cột đá, không phù hợp với sơ đồ sắp xếp của H. Parmentier.

Một điểm khác, vết lõm yên ngựa trên đầu các cột lớn đều nằm ngang. Tuy nhiên cũng có một số cột có vết lõm chạy xéo từ trên xuống dưới. Trên 3 cột ngắn còn có một vết lõm khác vuông góc với vết lõm kia. Phải chăng những cột này dùng để đỡ những đà xiên như đòn tay trong cấu trúc mái nhà.

Tài liệu dân tộc học về các dân tộc Tây Nguyên cũng cho thấy nhiều điều thú vị trong phong tục mai táng. Trừ người Gia Rai có phong tục chôn tập thể, đa số các dân tộc Tây Nguyên thường chôn người chết trong một mộ riêng. Một thời gian sau, thường từ 1 đến 3 năm, họ dựng một ngôi nhà với cách trang trí cầu kỳ cho người chết, thường gọi là nhà mồ (Bơxát) và làm lễ bỏ mả (Nguyễn Văn Kự, Lưu Hùng, 2003; Đào Huy Quyền, 2007).

Từ những điều trên, chúng tôi nghiêng về ý kiến cho rằng những cột đá trong kiến trúc mộ cụ thạch Hàng Gòn không phải được sử dụng để nâng nắp mộ. Chúng có thể đơn

giản chỉ là những cột nhà và làm nhiệm vụ nâng đỡ mái nhà. Nhà mồ ở Hàng Gòn đã là một ngôi nhà có quy mô hết sức đặc biệt.

Tuy nhiên, để phục dựng hình dáng và kiến trúc “nhà mồ Hàng Gòn”, cần thiết phải có sự hợp tác chặt chẽ và hỗ trợ về chuyên môn của các kiến trúc sư, kỹ sư xây dựng và nhiều ngành khoa học khác.

### 5. Ý KIẾN VỀ VIỆC TRÙNG TU, TÔN TẠO DI TÍCH

Di tích mộ cụ thạch Hàng Gòn thực sự là một di sản văn hóa vô giá của nước ta nằm trên đất Đồng Nai. So sánh với những di tích cụ thạch khác ở Đông Nam Á và trên thế giới, mộ cụ thạch Hàng Gòn là di tích duy nhất có quy mô hoành tráng, với những tấm đan đá được gia công phẳng phiu, vuông vức và những cột đá đồ sộ nặng hàng chục tấn.

Vì vậy, việc trùng tu, tôn tạo di tích là công việc cần thiết, nhằm bảo tồn và phát huy di sản văn hóa vô giá của dân tộc.

Theo ý kiến của riêng tôi, cần phải dựng đứng lại những cột đá để khôi phục khung cảnh uy nghi của ngôi mộ cổ. Vị trí của những cột đá hiện nay đã có thể xác định khá rõ. Cũng cần thiết tạo dựng một cảnh quan môi trường tương xứng và xây dựng một kiến trúc bên ngoài hợp lý để bảo vệ di tích, đồng thời cũng là nơi trưng bày hiện vật, hình ảnh, tư liệu như một bảo tàng về các kiến trúc cụ thạch nhằm phục vụ công

tác nghiên cứu và đón khách tham quan. □

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bouchot J. 1927. *Les fouilles (de Xuân Lộc)*. BSEI n.s.t.II N<sup>o</sup>2, Sài Gòn, pp.155-156
2. Bouchot J. 1929. *Quelques notes en marge de la découverte de Xuân Lộc*. BSEI n.s.t.IV N<sup>o</sup>2. Sài Gòn. pp.114-124
3. Malleret L., 1963. *L'Archeologie du delta du Mekong*. BEFEO. IV. Le Cisbassac. Paris-Saigon, p. 126-128.
4. Parmentier H., 1929. *Vestiges Mégalithique à Xuân Lộc*. BEFEO XXVIII, p. 479-485.
5. Saurin Ed., 1968. *Nouvelles observations préhistorique à L'Est de SaiGon*. BESEI, n.s.t.XIII, N<sup>o</sup>1. Saigon. p.8.
6. Đào Huy Quyền. 2007. *Tượng gỗ Tây Nguyên*. Thành phố Hồ Chí Minh: Nxb. Tổng hợp.
7. Lưu Ánh Tuyết. 1982. *Mộ cụ thạch Hàng Gòn (Đồng Nai)*. Những phát hiện mới về khảo cổ học.
8. Lưu Ánh Tuyết. *Di tích kiến trúc cổ - Mộ cụ thạch Hàng Gòn (Xuân Lộc-Đồng Nai)*. Tài liệu đánh máy, 9 trang.
9. Nguyễn Văn Kự, Lưu Hùng. 2003. *Nhà mồ Tây Nguyên*. Hà Nội: Nxb Thế giới.
10. Phạm Đức Mạnh. 1996. *Khai quật di tích cụ thạch Hàng Gòn 2. Những phát hiện mới về khảo cổ học*. Hà Nội.
11. Phạm Quang Sơn. 2006. *Báo cáo điều tra-đào thám sát di tích mộ cụ thạch Hàng Gòn (thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai)*. Tài liệu đánh máy. Trung tâm Nghiên cứu Khảo cổ, Thành phố Hồ Chí Minh.